

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CÓ
ĐỐI TƯỢNG LÀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP BẰNG TRỌNG TÀI
THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM**

ĐỖ THỊ DIỆN*

Ngày nhận bài: 12/08/2024

Ngày phản biện: 26/08/2024

Ngày đăng bài: 30/09/2024

Tóm tắt:

Trọng tài thương mại là một hình thức giải quyết tranh chấp ngày càng phổ biến trong điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay. Với ưu điểm như hiệu quả, nhanh chóng, linh hoạt và có tính bảo mật cao, phù hợp trong rất nhiều các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực hợp đồng chuyển giao công nghệ. Bên cạnh những ưu điểm, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như xác định các tranh chấp trong hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhất là hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền sở hữu công nghiệp thuộc thẩm quyền của trọng tài; thực tiễn giải quyết các tranh chấp trên bằng phương thức trọng tài. Bài viết làm rõ quy định của pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bằng trọng tài, những bất cập và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng trên bằng trọng tài thương mại.

Từ khóa:

Giải quyết tranh chấp, hợp đồng, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu

Abstract:

Commercial arbitration is becoming an increasingly popular method of dispute resolution in today's economic and social environment. With its advantages of effectiveness, speed, flexibility, and high confidentiality, it is well-suited for many sectors, particularly in the field of technology transfer contracts. However, despite these benefits, there are certain limitations, such as challenges in determining disputes within technology transfer contracts—especially those involving industrial property rights that fall under the jurisdiction of arbitration. Additionally, the practice of resolving these disputes through arbitration has its own complexities. This article clarifies the legal provisions and practices surrounding the resolution of disputes in technology transfer contracts involving industrial property rights subject to arbitration, highlighting the shortcomings and underlying causes. It then proposes solutions to enhance the effectiveness of resolving contract disputes through commercial arbitration.

Keywords:

Dispute resolution, contracts, technology transfer, industrial property

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: diendt@hul.edu.vn

công nghiệp, trọng tài thương mại

rights, commercial arbitration

1. Đặt vấn đề

Hợp đồng chuyển giao công nghệ là hình thức pháp lý thương mại hóa phức tạp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (SHTT). Bởi vì, công nghệ được chuyển giao là khái niệm chung có nội hàm rộng như giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm¹. Theo đó, có 04 dạng công nghệ thuộc hợp đồng chuyển giao công nghệ gồm: (a) bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; (b) phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; (c) giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; và (d) máy móc, thiết bị đi kèm một trong các đối tượng quy định tại các điểm (a), (b), (c) nêu trên. Đồng thời, đối tượng công nghệ được bảo hộ quyền SHTT thì việc chuyển giao quyền SHTT phải thực hiện theo quy định của pháp luật SHTT Việt Nam².

Pháp luật SHTT Việt Nam³ quy định về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) gồm hai hình thức là chuyển nhượng quyền SHCN và chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền SHCN và hai hình thức này phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản⁴.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) được điều chỉnh cơ bản bởi hai văn bản pháp luật là Luật Chuyển giao công nghệ 2017 và Luật SHTT 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022 (gọi là Luật SHTT hiện hành) vì có đối tượng là quyền SHTT. Trong phạm vi bài viết liên quan đến công nghệ là đối tượng quyền SHCN chỉ đề cập đến công nghệ dưới dạng sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, đòi hỏi tính bảo mật cao. Khi phát sinh tranh chấp, cần thiết lựa chọn trọng tài thương mại để giải quyết, đảm bảo được cơ chế bảo mật cho các bên. Tuy nhiên, không phải mọi tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hợp đồng chuyển giao công nghệ đều được giải quyết bằng trọng tài thương mại. Do đó, bài viết làm rõ các tranh chấp phát sinh trong hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng và quyền SHCN, xác định thẩm quyền giải quyết của trọng tài thương mại, những nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cấp hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

¹ Xem thêm Điều 2 khoản 2 Luật Chuyển giao công nghệ 2017

² Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ 2017

³ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022. Bài viết thống nhất sử dụng Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành.

⁴ Đối với chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp được quy định tại Chương X Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam với hai hình thức là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp và chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

2. Quy định về hợp đồng chuyển giao công nghệ và tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền sở hữu công nghiệp

2.1. Quy định về hợp đồng chuyển giao công nghệ

Theo Luật Chuyển giao công nghệ 2017 tại Điều 2 khoản 2 quy định: Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm; và Điều 2 khoản 7 quy định: Chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

Luật SHTT Việt Nam hiện hành không có quy định cụ thể về công nghệ, mà thông qua điều luật về giải thích từ ngữ, và vận dụng quy định của Luật Chuyển giao công nghệ có thể hiểu công nghệ được quy định là các đối tượng như quyền SHCN đối với sáng chế, giải pháp kỹ thuật, bí mật kinh doanh. Cụ thể tại Điều 4 khoản 12 Luật SHTT Việt Nam hiện hành quy định: Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Giải pháp kỹ thuật dưới dạng vật thể như máy móc, dụng cụ, thiết bị, linh kiện...; dưới dạng quy trình như quy trình công nghệ, phương pháp chuẩn đoán, xử lý...⁵. Như vậy, có thể hiểu đối tượng trong hợp đồng chuyển giao công nghệ là quyền SHCN gồm bằng độc quyền sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn hoặc được bảo mật là bí mật kinh doanh.

Theo Điều 22 Luật Chuyển giao công nghệ 2017: “Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được lập thành văn bản...”, và Điều 138 khoản 2; Điều 141 khoản 2 Luật SHTT Việt Nam hiện hành quy định về việc chuyển nhượng quyền SHCN và chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền SHCN phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản. Như vậy, hợp đồng chuyển giao công nghệ là hợp đồng ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng công nghệ được chuyển giao hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng công nghệ được chuyển giao từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ⁶.

Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ cơ bản cần có các điều khoản như sau⁷: (1) Tên công nghệ được chuyển giao. (2) Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm. (3) Chuyển nhượng

⁵ Xem thêm tại điểm b khoản 3 Điều 16 Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN, Quy định chi tiết một số điều của Luật SHTT và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về quyền sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp

⁶ “*Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ*”, truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/hop-dong-chuyen-giao-cong-nghe-trong-bi-quyet-ky-thuat-bao-gom-nhung-noi-dung-gi-nguyen-tac-giao-ke-3939.html>, truy cập ngày 18/5/2024

⁷ Xem cụ thể Điều 23 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 về nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ; Điều 140 Luật SHTT về nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp và Điều 144 Luật SHTT về nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ. (4) Phương thức chuyển giao công nghệ. (5) Quyền và nghĩa vụ của các bên. (6) Giá, phương thức thanh toán. (7) Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. (8) Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có). (9) Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ. (10) Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao. (11) Phạt vi phạm hợp đồng. (12) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. (13) Cơ quan giải quyết tranh chấp. (14) Nội dung khác do các bên thỏa thuận.

Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ phụ thuộc lớn vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 chỉ đưa ra những quy định cơ bản liên quan đến phần quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ. Việc bên nhận chuyển giao có được phát triển công nghệ hay không sẽ là nội dung mà các bên có thể trao đổi, thỏa thuận với nhau trong hợp đồng. Tuy nhiên, cần lưu ý, liên quan đến chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN, Luật SHTT Việt Nam hiện hành có quy định cấm đưa ra các quy định về hạn chế quyền của bên nhận chuyển giao trong hợp đồng, ví dụ như quyền cải tiến dựa trên các đối tượng mà mình được nhận chuyển giao quyền sử dụng⁸. Trong trường hợp này, việc các bên trong hợp đồng đưa ra các điều khoản hạn chế sẽ không phù hợp với các quy định pháp Luật SHTT Việt Nam.

2.2. Tranh chấp trong hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền sở hữu công nghiệp

Tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ là sự mâu thuẫn, bất đồng hoặc xung đột giữa các bên trong việc thực hiện, đáp ứng hoặc tuân thủ các điều khoản, điều kiện và cam kết đã được thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ⁹. Theo quy định tại Điều 6 Luật SHTT Việt Nam hiện hành thì các đối tượng quyền SHCN như sáng chế, thiết kế bố trí bắt buộc nộp đơn đăng ký bảo hộ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp văn bằng bảo hộ; bí mật kinh doanh thông qua cơ chế bảo mật hợp pháp. Như vậy, đối tượng của hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN là phải đăng ký tại Cục SHTT, để cấp văn bằng bảo hộ, thông qua văn bản bảo hộ ghi nhận chủ sở hữu của đối tượng quyền SHCN trong hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Thứ nhất, tranh chấp liên quan đến việc xác định chủ sở hữu công nghệ được chuyển giao thông qua hợp đồng chuyển nhượng công nghệ. Cụ thể, thông qua tình huống sau: Công ty TNHH B (nguyên đơn) và Công ty TNHH MTV M (bị đơn) ký hợp

⁸ Điều 144 khoản 2 điểm a Luật Sở hữu trí tuệ quy định: Cấm bên được chuyển quyền cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp, trừ nhãn hiệu; buộc bên được chuyển quyền phải chuyển giao miễn phí cho bên chuyển quyền các cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp do bên được chuyển quyền tạo ra hoặc quyền đăng ký sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu công nghiệp đối với các cải tiến đó.

⁹ *Tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ*, truy cập tại <https://vi.apra.vn/tranh-chap-ve-hop-dong-chuyen-giao-cong-nghệ>, truy cập ngày 18/6/2024

đồng chuyển nhượng công nghệ sản xuất Poly-PU, máy móc thiết bị (không bao gồm nguyên liệu sản xuất).

Khi ký hợp đồng này các bên đã gặp nhau trao đổi trước nhiều lần, mục đích của Công ty B là nhận được một công nghệ sản xuất với một dây chuyền máy móc hoàn thiện, công nghệ kỹ thuật mới nhằm cải thiện quy trình sản xuất hiện tại của Công ty TNHH B, khai phá sản phẩm mới của ngành gỗ gia dụng. Tuy nhiên, khi hai bên thực hiện hợp đồng, Công ty M không bàn giao các tài liệu liên quan đến kỹ thuật công nghệ cho Công ty B, chỉ yêu cầu nhân viên của Công ty B đến Công ty M học kỹ thuật. Khi đến Công ty M học kỹ thuật, các nhân viên của Công ty B không học được những gì liên quan đến kỹ thuật công nghệ, không được cung cấp tài liệu trong quá trình học, chỉ được chỉ dẫn cách làm khuôn Poly-PU một cách sơ sài như là: Pha chế chất nào vào chất nào, sau khi chờ hóa chất đông rắn thì gỡ khuôn, chứ không có một chuẩn mực kỹ thuật nào dựa trên một tài liệu công nghệ nào, cũng không có được một công nghệ nào mà chỉ mua vật liệu về rồi pha chế một cách cảm tính, dẫn đến nhân viên của Công ty B không có thu hoạch về kỹ thuật làm khuôn Poly-PU.

Công ty B nhận thấy Công ty M không có được một kỹ thuật công nghệ về sản xuất Poly-PU, họ chỉ mang một số máy móc cũ từ Trung Quốc qua Việt Nam để làm khuôn Poly-PU, không phải là chủ sở hữu của một công nghệ, không có quyền chuyển nhượng mua bán công nghệ nên đã yêu cầu hủy hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng công nghệ sản xuất Poly-PU nói trên có dấu hiệu lừa dối, chủ thể của hợp đồng Công ty M không có đủ tư cách một chủ sở hữu công nghệ¹⁰. Theo kết luận của Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng công nghệ sản xuất Poly-PU giữa Công ty B và Công ty M vô hiệu, và hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Qua đây, để thấy rằng trước khi các bên xác lập hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN, thì vấn đề kiểm tra quyền của chủ sở hữu đối với đối tượng quyền SHCN là rất quan trọng. Là cơ sở tiên quyết hạn chế các tranh chấp phát sinh tiếp theo liên quan đến nội dung của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Thứ hai, tranh chấp về phạm vi, nội dung công nghệ được chuyển giao: Tranh chấp này liên quan đến việc xác định chính xác những gì được chuyển giao, bao gồm tài liệu kỹ thuật, bí mật kinh doanh, bản quyền, v.v. Các bên có thể tranh cãi về việc thiếu sót tài liệu, sai sót thông tin, hoặc không chuyển giao đầy đủ công nghệ như đã thỏa thuận. Phạm vi hoạt động chuyển giao công nghệ khá rộng. Công nghệ được chuyển giao phải không nằm trong danh mục các công nghệ cấm chuyển giao, được quy định tại các Điều 10 và 11 của Luật Chuyển giao Công nghệ và Điều 3 của Nghị định 76/2018. Chuyển giao công nghệ nằm trong danh mục các công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định tại các Điều trên của Luật Chuyển giao Công nghệ và Nghị định

¹⁰ Bản án 19/2021/KDTM-PT ngày 19/03/2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất Poly-PU, máy móc thiết bị và hợp đồng mua bán hàng hóa, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 6/8/2024

76/2018 phải có giấy phép chuyển giao công nghệ. Đối tượng công nghệ được chuyển giao được quy định tại Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ 2017, và đối tượng công nghệ được chuyển giao có thể gắn hoặc không gắn với đối tượng quyền SHCN, nếu gắn với đối tượng quyền SHCN thì phải được bảo hộ quyền SHTT và việc chuyển giao phải thực hiện theo quy định của Luật SHTT. Do vậy, nếu các bên trong quan hệ hợp đồng chuyển giao công nghệ không nắm rõ các vấn đề pháp lý này, sẽ dẫn đến các tranh chấp phát sinh khi xác lập hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên: Tranh chấp này liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao. Các bên có thể tranh cãi về việc chậm trễ chuyển giao, vi phạm bí mật kinh doanh, hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo mật thông tin. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25 và điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định về nghĩa vụ của bên giao công nghệ và nghĩa vụ của bên nhận công nghệ: “Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận”. Như vậy, theo quy định nêu trên thì bên giao công nghệ có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin về công nghệ trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận. Do đó, bên giao công nghệ có thể không phải giữ bí mật thông tin về công nghệ trong quá trình đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ nếu các bên không có thỏa thuận.

Thứ tư, tranh chấp về đối tượng công nghệ là đối tượng thuộc quyền SHCN. Đây là loại tranh chấp khá phổ biến, thường liên quan đến việc các nội dung như: (1) Xác định chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ được chuyển giao: “Chủ thể quyền SHTT là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT”¹¹; (2) Xác định đối tượng quyền SHCN được quy định tại Điều 3 Luật SHTT Việt Nam hiện hành¹² và chỉ những đối tượng được liệt kê là đối tượng quyền SHCN thuộc quyền SHTT, những đối tượng này chi phối chặt chẽ quy định của Luật SHTT về căn cứ phát sinh quyền: “Như quyền SHCN đối với sáng chế, thiết kế bố trí... được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký...”¹³ và giới hạn quyền SHTT: “Chủ thể quyền SHTT chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật SHTT¹⁴” như bằng độc quyền sáng chế là 20 năm, giải pháp hữu ích là 10 năm¹⁵; (3) Hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền SHCN nếu đối tượng quyền SHCN như sáng chế, giải pháp hữu ích thì hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN bắt buộc phải đăng ký tại cơ quan nhà nước về SHCN; nhưng nếu xác lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng

¹¹ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 4 khoản 6 về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

¹² Luật Sở hữu trí tuệ Điều 3 về đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

¹³ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 6 về căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ

¹⁴ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 7 khoản 1 về giới hạn quyền sở hữu trí tuệ

¹⁵ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 93 khoản 2, khoản 3 về hiệu lực của văn bằng bảo hộ

quyền SHCN thì có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên¹⁶. Sự chi phối chặt chẽ quy định của Luật SHTT Việt Nam hiện hành nêu trên, dẫn đến thực tiễn các bên khi xác lập hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN không nắm rõ những quy định của pháp Luật SHTT, dẫn đến các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Thứ năm, các tranh chấp về chất lượng công nghệ, phương thức và thời hạn thanh toán trong hợp đồng chuyển giao công nghệ. Ví dụ như, một hệ thống phần mềm có thể không hoạt động ổn định, hoặc một thiết bị có thể không đáp ứng được các thông số kỹ thuật đã nêu trong hợp đồng; hoặc như một bên trong hợp đồng có thể từ chối thanh toán bằng phương thức đã thỏa thuận, hoặc có thể thanh toán chậm hơn thời hạn đã quy định... là nguyên nhân dẫn đến phát sinh tranh chấp trong hợp đồng chuyển giao công nghệ nêu trên.

3. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bằng trọng tài thương mại và nguyên nhân

Trọng tài thương mại là cơ chế giải quyết tranh chấp đảm bảo bí mật. Trọng tài là một tiến trình giải quyết tranh chấp có tính riêng biệt. Hầu hết pháp luật về trọng tài của các nước đều thừa nhận nguyên tắc trọng tài xử kín (in camera) nếu các bên không quy định khác¹⁷. Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Tính bí mật thể hiện rõ ở nội dung tranh chấp và danh tính của các bên được giữ kín, đáp ứng nhu cầu tin cậy trong quan hệ hợp đồng chuyển giao công nghệ. Quy định này có ý nghĩa lớn trong điều kiện cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh và giải quyết được sự quan ngại vì nếu nội dung vụ tranh chấp được công khai sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp, cũng như bộ lộ bí mật, quy trình công nghệ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ¹⁸.

Thứ nhất, thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại nói chung và tranh chấp về hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN nói riêng bằng hình thức Trọng tài thương mại đang trở thành một xu hướng tất yếu. Đặc biệt, phán quyết của trọng tài thường có độ chính xác, khách quan cao và mang tính “chung thẩm”. Điều này có nghĩa: Tranh chấp của các chủ thể khi đã được giải quyết thì sẽ không được xem xét lại bởi bất kỳ cơ quan xét xử nào khác (trừ các trường hợp hủy phán quyết trọng tài theo quy định pháp luật)¹⁹. Vì thế, nâng cao được hiệu quả giải quyết tranh chấp.

¹⁶ Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ về hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

¹⁷ Kim Phụng, “*Chín cái lợi khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại*”, truy cập tại: <https://plo.vn/9-cai-loi-khi-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-post484224.html>, truy cập ngày 15/6/2024

¹⁸ Nguyễn Xuân Nam (2024), “*Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, kỳ 1 (số 402), tháng 4/2024

¹⁹ Trần Thị Lan Hương (2014), “*Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại và thực tiễn tại Việt Nam*” Tạp chí Tài chính, số 4, năm 2014.

Hoạt động giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC): Trong năm 2022, VIAC thụ lý 292 vụ tranh chấp với sự đa dạng trong cả tính chất, lĩnh vực tranh chấp và mức độ phức tạp của vấn đề tranh chấp. Đây là minh chứng cho sự bền bỉ và nỗ lực của đội ngũ nhân sự VIAC, đồng thời cũng là tín hiệu tích cực về quy mô thị trường giải quyết tranh chấp đang ngày càng mở rộng²⁰. Qua đó, số vụ tranh chấp thụ lý tại VIAC trong năm 2022 tăng lên 8,15% so với năm 2021 (năm 2021 là 270 vụ), trong đó mua bán hàng hóa là lĩnh vực có số vụ tranh chấp thụ lý và giải quyết tại VIAC cao nhất là 37,5% tổng số vụ; tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực Xây dựng là 17,1% và Tài chính – Ngân hàng là 10,4%; kinh doanh Bất động sản 7,1%; cho thuê là 6,8%; kinh doanh bảo hiểm 6,8%; hợp tác kinh doanh 3,6%; Logistics là 2,1% và dịch vụ khác là 8,6%²¹.

Hoạt động giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC): Trong năm 2022, VMC đã tiếp nhận tổng cộng 12 vụ việc hòa giải (nâng tổng số vụ tiếp nhận giai đoạn 2018 – 2022 lên 36 vụ), tiếp tục ghi nhận các vụ tranh chấp phức tạp và đa dạng lĩnh vực, bao gồm tranh chấp phát sinh trong hoạt động mua bán hàng hóa (chiếm tỷ lệ cao nhất với 44% tổng số vụ), tranh chấp phát sinh trong quá trình thi công, tư vấn thiết kế xây dựng và các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng cung ứng dịch vụ hay hoạt động hợp tác kinh doanh. Trong đó, các tranh chấp xây dựng tiếp tục ghi nhận số vụ cao trong 03 năm liên kề cùng với một số vụ tranh chấp tiếp nhận mới phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản²².

Qua số liệu thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại VIAC và VMC nêu trên, thực tế cho thấy chưa có hoạt động thống kê về thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại thuộc lĩnh vực SHTT nói chung và chuyển giao công nghệ nói riêng. Đồng thời, tại Mục 2 bài viết, tác giả đề cập đến các loại tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ, có thể hiểu công nghệ là đối tượng trong hợp đồng một loại hàng hóa²³ được thỏa thuận chuyển giao từ bên có công nghệ sang bên nhận công nghệ. Do đó, có thể hiểu các tranh chấp trong hợp đồng chuyển giao được giải quyết bằng Trọng tài thương mại thuộc một phần trường hợp tranh chấp được giải quyết trong lĩnh

²⁰ Vũ Ánh Dương, (2022) “*Báo cáo thường niên - Trung tâm trọng tài quốc tế (VIAC)*”, truy cập tại <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/thong-diep-cua-tong-thu-ky-viac-nam-2022-n1232.html>, truy cập ngày 15/6/2024

²¹ Báo cáo thường niên (2022) “*Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại VIAC*”, truy cập tại <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2022-s40.html>, truy cập ngày 15/6/2024

²² Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại Trung tâm hòa giải Việt Nam (VMC), truy cập tại <https://vmc.org.vn/thong-ke-2022>, truy cập ngày 15/6/2024.

²³ Theo Điều 2 khoản 2 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017: Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm. Theo khái niệm này, công nghệ đã trực tiếp tham gia sản xuất để chuyển đổi đầu vào thành đầu ra. Người sản xuất luôn mong muốn có công nghệ mang lại hiệu quả cao hơn, nên công nghệ đã trở thành hàng hóa.

vực mua bán hàng hóa, có thể hiểu là, trong số 37,5% (giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc phần trăm trong tỷ lệ này).

Thứ hai, nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên.

Một là, phạm vi điều chỉnh của chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN rất rộng, dẫn tới việc tranh chấp diễn ra thường xuyên. Nổi bật trong số đó là đối tượng được chuyển giao sẽ gắn với bí quyết về công nghệ hoặc những sáng chế nhất định. Việc sáng chế đó có được bảo hộ hợp pháp ở Việt Nam hay không, tức bên chuyển giao đã được xác lập quyền với sáng chế hay bí quyết công nghệ đó hay chưa, sẽ dẫn tới quyền của bên chuyển giao đối với bên nhận chuyển giao như thế nào. Bên cạnh đó, công nghệ được chuyển giao có đạt được yêu cầu của bên được chuyển giao trên các tiêu chí thẩm mỹ, kỹ thuật...là nguyên nhân dễ gây ra những tranh chấp của các bên trong hợp đồng.

Hai là, đối tượng là công nghệ thuộc quyền SHTT, khó khăn khi xác định thẩm quyền của Trọng tài thương mại. Luật SHTT trao cho các chủ thể quyền SHTT (là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu quyền SHTT chuyển giao quyền SHTT) được quyền tự bảo vệ trước các hành vi xâm phạm quyền SHTT của mình. Theo đó, chủ sở hữu quyền SHTT có thể lựa chọn nhiều biện pháp khác nhau để bảo vệ quyền SHTT như Trọng tài thương mại hoặc Tòa án²⁴. Trong khi, Luật Trọng tài thương mại 2010 chỉ quy định thẩm quyền của trọng tài trong giải quyết tranh chấp ở một số lĩnh vực SHTT như: tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; tranh chấp phát sinh giữa các bên; trong đó, ít nhất một bên có hoạt động thương mại; tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài thương mại.

Như vậy, các tranh chấp liên quan đến đối tượng quyền SHCN có thể là tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng (về phí chuyển quyền sử dụng, phạm vi chuyển quyền), chủ sở hữu quyền, góp vốn bằng quyền SHCN hoặc theo nghĩa rộng hơn liên quan đến cạnh tranh không lành mạnh, xâm phạm quyền SHTT hoặc cả giá trị pháp lý của quyền SHTT. Như vậy, phạm vi tranh chấp quyền SHTT mang tính chất khá rộng, liên quan đến nhiều đối tượng cũng như nhiều giai đoạn của quyền SHTT²⁵.

Ba là, công nghệ thuộc đối tượng quyền SHCN sẽ bị chi phối bởi các quy định về hiệu lực của văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền sáng chế có thời hạn bảo hộ 20 năm; giải pháp hữu ích là 10 năm; bí mật kinh doanh không quy định thời hạn bảo hộ, phụ thuộc vào bảo mật hợp pháp bí mật kinh doanh của bên có bí mật kinh doanh. Do đó, nếu những đối tượng công nghệ gần hết thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật SHTT,

²⁴ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 198 khoản 1 điểm d quy định chủ sở hữu có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài để giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Như vậy, ngoài TTMT, chủ sở hữu có thể lựa chọn Tòa án, hoặc yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

²⁵ Ngọc Quỳnh, “*Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ: Khó xác định thẩm quyền trọng tài*”, truy cập tại https://www.vietnamplus.vn/tranh-chap-quyen-so-huu-tri-tue-kho-xac-dinh-tham-quyen-trong-tai-post786864.vnp#google_vignette, truy cập ngày 15/6/2024

thì việc lựa chọn Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp phát sinh không có giá trị trong trường hợp này. Điều này là nguyên nhân dẫn đến các bên phát sinh tranh chấp trong hợp đồng không thỏa thuận giải quyết tranh chấp.

Bốn là, hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN nếu xác lập dưới hình thức chuyển nhượng quyền SHCN, thì chỉ có giá trị pháp lý khi đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền²⁶. Hồ sơ đăng ký đối với các công nghệ bắt buộc phải có văn bằng bảo hộ được cấp từ Cục SHTT, ghi nhận chủ sở hữu đối tượng quyền đối với các đối tượng công nghệ. Tuy nhiên, rất nhiều trường hợp đến giai đoạn này, bên chuyển giao không cung cấp được văn bằng bảo hộ có liên quan, dẫn đến tranh chấp phát sinh về chủ thể của đối tượng công nghệ được chuyển giao.

Năm là, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định rất cụ thể những công nghệ hạn chế chuyển giao, cấm chuyển giao, nhưng Luật SHTT không có quy định cụ thể này, chỉ có quy định tại khoản 2 Điều 144 về các thỏa thuận hạn chế trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng. Do vậy, nếu các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ không tìm hiểu rõ quy định này, sẽ dẫn đến những tranh chấp không cần thiết.

Sáu là, khi xác lập hợp đồng chuyển giao công nghệ, các bên cần lưu ý đến các điều kiện bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế trong những trường hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội. Nếu xác lập hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng cần lưu ý các điều kiện hạn chế tại Điều 146 Luật SHTT và theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Và lưu ý, trường hợp này chỉ áp dụng đối với sáng chế, và phải theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều 147 Luật SHTT Việt Nam hiện hành.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bằng trọng tài thương mại

Chính sách của nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ là tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao công nghệ, đa dạng hóa hình thức và phương thức chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam, khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài. Để đảm bảo lợi ích chính đáng của mình trong hợp đồng chuyển giao công nghệ, tránh những tranh chấp không đáng có từ hợp đồng này, các bên cần có sự thiện chí, thận trọng nhất định trong việc đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng, nhất là liên quan đến công nghệ thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật SHTT Việt Nam. Tuy nhiên, không tránh được những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp. Tác giả đề xuất một số giải pháp trong việc lựa chọn Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền SHCN tại Việt Nam như sau:

²⁶ Luật Sở hữu trí tuệ Điều 148 khoản 1 về hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, doanh nghiệp cần xem xét kỹ chủ thể có quyền sở hữu công nghệ, nội dung, công nghệ được chuyển giao, công nghệ bị hạn chế hay bị cấm chuyển giao theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ 2017 và Luật SHTT hiện hành không. Từ đó, các bên trong hợp đồng có sự thỏa thuận, điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Ví dụ như theo quy định của Luật SHTT Việt Nam hiện hành tại khoản 2 Điều 144 quy định không được đưa vào hợp đồng sử dụng đối tượng quyền SHCN các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên chuyển quyền, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quyền của bên chuyển quyền như: Cấm bên được chuyển quyền cải tiến công nghệ, buộc bên được chuyển quyền phải mua lại toàn bộ, hoặc một tỷ lệ nhất định ... mà không nhằm mục đích đảm bảo chất lượng hàng hóa...²⁷”, nếu đưa vào hợp đồng các điều khoản này, hợp đồng mặc nhiên bị vô hiệu. Quy định tại Nghị định 76/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 ban hành các danh mục về công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ cấm chuyển giao.

Thứ hai, liên quan đến hợp đồng chuyển giao công nghệ nói chung và công nghệ thuộc đối tượng quyền SHCN thì vấn đề bảo mật thông tin luôn được ưu tiên hàng đầu. Việc các bên thỏa thuận phí chuyển giao không hợp lý dễ dẫn tới việc bên được chuyển giao thanh lý hợp đồng, bí mật chuyển giao người thứ ba, đầu tư cho người thứ ba để người thứ ba khai thác, sử dụng công nghệ mà người chuyển giao không thể can thiệp, không chứng minh được hành vi xâm phạm để buộc chấm dứt hành vi. Việc các bên thỏa thuận chặt chẽ các điều khoản liên quan đến bảo mật thông tin, và việc bảo mật các thông tin được thỏa thuận liên quan đến công nghệ là vô cùng cần thiết. Để đáp ứng được yêu cầu cần thiết này, thì thỏa thuận lựa chọn Trọng tài thương mại để giải quyết khi phát sinh tranh chấp là sự lựa chọn phù hợp và cần thiết nhất.

Thứ ba, Luật Trọng tài thương mại 2010 và các văn bản pháp lý liên quan đã xây dựng hành lang pháp lý quy định liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng Trọng tài thương mại, bao gồm: Quy định về thẩm quyền của trọng tài viên trong việc giải quyết tranh chấp; quy định về thủ tục giải quyết tranh chấp; quy định về hiệu lực của phán quyết trọng tài. Đồng thời, Nghị định 76/2018/NĐ-CP đã hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại 2010 có quy định chi tiết về thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, nếu đối tượng trong hợp đồng là đối tượng quyền SHCN, thì được điều chỉnh bởi Luật SHTT. Cần thiết ban hành các quy định liên quan để hướng dẫn, giải thích thống nhất áp dụng Trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN.

Thứ tư, xu hướng phát triển trong điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay là giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng Trọng tài thương mại đang là xu

²⁷ Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành, Điều 144 khoản 2 về các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền

hướng phổ biến tại Việt Nam. Điều này là do Trọng tài thương mại có nhiều ưu điểm so với giải quyết tranh chấp tại Tòa án như: Nhanh chóng và hiệu quả; bí mật và bảo mật thông tin; linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của các bên tranh chấp. Do đó, cần có nhiều các hoạt động tuyên truyền, trao đổi các thông tin về việc lựa chọn Trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp, nhất là tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN đến các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam.

5. Kết luận

Giải quyết tranh chấp phát sinh trong hợp đồng chuyển giao công nghệ nói chung và hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng quyền SHCN nói riêng, suy cho cùng đều nhằm mục đích giúp các bên tìm được hướng đi hiệu quả để tháo gỡ vướng mắc. Đối tượng quyền SHCN mang lại lợi ích về kinh tế cao cho chủ sở hữu quyền, thì cũng bị chi phối bởi những quy định của Luật SHTT hiện hành như thời hạn bảo hộ, phạm vi chuyển giao quyền, xác định tư cách chủ thể quyền thông qua thủ tục đăng ký cấp văn bằng bảo hộ. Vì vậy, việc lựa chọn phương thức giải quyết bằng Trọng tài thương mại với thủ tục nhanh chóng, linh hoạt, bảo mật thông tin sẽ giúp các bên tận dụng tốt nhất khoảng thời gian bảo hộ các đối tượng quyền SHCN. Do vậy, cần thiết hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là quyền SHCN bằng trọng tài thương mại, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trong quan hệ hợp đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2017) Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017
2. Quốc hội (2005) Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN, Quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp.
4. “*Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ*”, truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/hop-dong-chuyen-giao-cong-nghe-trong-bi-quyet-ky-thuat-bao-gom-nhung-noi-dung-gi-nguyen-tac-giao-ke-3939.html>, truy cập ngày 18/5/2024
5. Tranh chấp hợp đồng chuyển giao công nghệ, truy cập tại <https://vi.apra.vn/tranh-chap-ve-hop-dong-chuyen-giao-cong-nghe>, truy cập ngày 18/6/2024
6. Kim Phụng, “Chín cái lợi khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại”, truy cập tại <https://plo.vn/9-cai-loi-khi-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-thuong-mai>, truy cập ngày 15/6/2024

7. Nguyễn Xuân Nam (2024), “*Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, kỳ 1 (số 402), tháng 4/2024.
8. Trần Thị Lan Hương (2014), “*Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại và thực tiễn tại Việt Nam*” Tạp chí Tài chính, số 4, năm 2014.
9. Vũ Ánh Dương, (2022) “*Báo cáo thường niên - Trung tâm trọng tài quốc tế (VIAC)*”, truy cập tại <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/thong-diep-cua-tong-thu-ky-viac-nam-2022-n1232.html>, truy cập ngày 15/6/2024
10. Báo cáo thường niên (2022) “*Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại VIAC*”, truy cập tại <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2022-s40.html>, truy cập ngày 15/6/2024
11. Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại Trung tâm hòa giải Việt Nam (VMC), truy cập tại <https://vmc.org.vn/thong-ke-2022>, truy cập ngày 15/6/2024.
12. Ngọc Quỳnh, “*Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ: Khó xác định thẩm quyền trọng tài*”, truy cập tại https://www.vietnamplus.vn/tranh-chap-quyen-so-huu-tri-tue-kho-xac-dinh-tham-quyen-trong-tai-post786864.vnp#google_vignette, truy cập ngày 15/6/2024.